

CÔNG TY TNHH THỂ THAO HẢI YẾN



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của cơ sở

NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÀU LÔNG HẢI YẾN
Địa chỉ: Số 188A, ấp 3A, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho,
tỉnh Tiền Giang

CHỦ CƠ SỞ

Tiền Giang, tháng 7 năm 2022

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	iii
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ.....	iii
Chương I.....	4
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	4
1.1 Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Thẻ Thao Hải Yến.....	4
1.2. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất cầu lông Hải Yến, công suất 3.600.000 sản phẩm/năm. 4	
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở:	4
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:	4
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	4
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở:	7
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.	7
Chương II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	9
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	9
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường	9
Chương III	10
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	10
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	10
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	10
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	10
3.1.3. Xử lý nước thải	10
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	13
3.3 Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	14
3.4 Công trình thu gom, xử lý chất thải nguy hại	14
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	14
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	15
Chương IV	17
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	17

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	19
5.1 Kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải:.....	19
5.2 Quan trắc định kỳ chất lượng nguồn nước tiếp nhận.....	19
Chương VI.....	21
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	21
6.1 Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở:.....	21
6.2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ	21
6.2.1 Quan trắc nước thải:.....	21
6.2.2 Quan trắc nguồn tiếp nhận nước thải:	21
6.2.3 Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	21
Chương VII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	22
PHỤ LỤC BÁO CÁO	23

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. 1. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu	7
Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc nước thải năm 2021	19
Bảng 5. 2. Chất lượng nguồn nước tiếp nhận.....	20

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1. 1. Quy trình chuẩn bị lông trái cầu.....	4
Hình 1. 2. Quy trình chuẩn bị đế cầu	5
Hình 1. 3. Quy trình chuẩn bị ống cầu	6
Hình 1. 4. Quy trình lắp ráp.....	6
Hình 3. 1. Quy trình xử lý nước thải tại cơ sở	11

Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1 Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Thể Thao Hải Yến

- Địa chỉ: Số 188A, ấp 3A, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
- Người đại diện: Huỳnh Hồng Thúy Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: 02733.855551

1.2. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất cầu lông Hải Yến, công suất 3.600.000 sản phẩm/năm.

- Địa điểm cơ sở: Số 188A, ấp 3A, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.
- Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản số 2151/GXN-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2017 của UBND thành phố Mỹ Tho.
- Quy mô của cơ sở: Cơ sở thuộc nhóm C theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở:

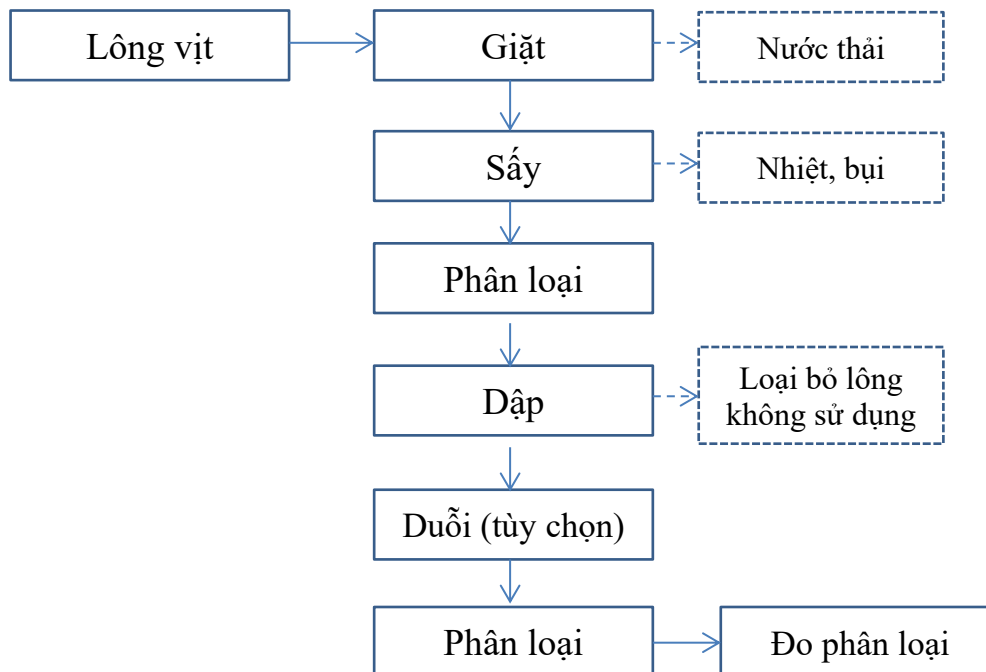
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Nhà máy hoạt động với công suất 3.600.000 sản phẩm/ năm.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Quy trình sản xuất tại cơ sở bao gồm quy trình chuẩn bị lông trái cầu để cầu và ống cầu. Cụ thể như sau:

❖ Quy trình chuẩn bị lông trái cầu|:



Hình 1. 1. Quy trình chuẩn bị lông trái cầu

Thuyết minh quy trình:

Lông vịt định kỳ được nhập về nhà máy, tiến hành giặt bằng máy giặt để làm sạch lông. Công đoạn giặt sẽ làm phát sinh nước thải.

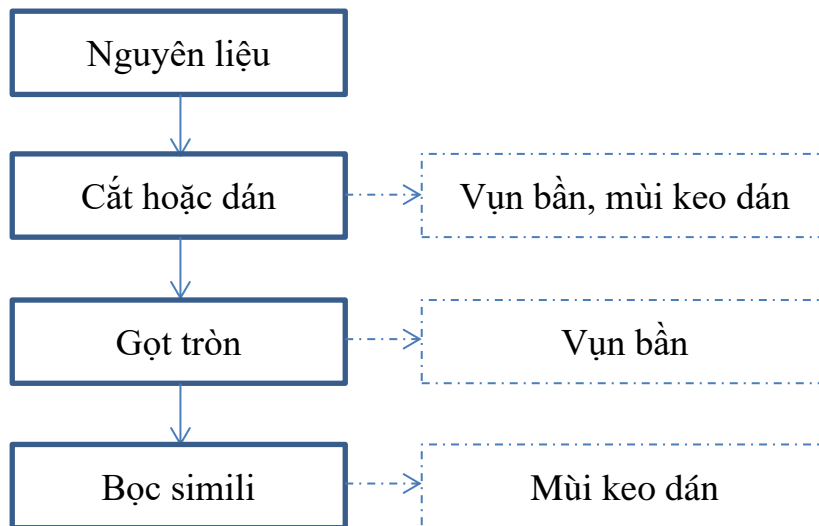
Tiếp đến lông vịt được sấy khô bằng máy sấy nhiệt. Công đoạn này làm phát sinh nhiệt dư, bụi từ quá trình sấy.

Lông vịt sau khi sấy sẽ chuyển đến khâu phân loại lông. Lông vịt được phân loại theo độ dài ngắn. Sau khi phân loại lông vịt sẽ được chuyển đến khâu đập. Công đoạn này sẽ phát sinh phần lông không sử dụng.

Lông vịt sau khi đập sẽ cho qua máy duỗi, đây là công đoạn tùy chọn theo yêu cầu của sản phẩm.

Lông vịt sau khi duỗi được công nhân phân loại bằng thủ công và cuối cùng là sử dụng máy đo để phân loại.

❖ Quy trình chuẩn bị đế:



Hình 1. 2 Quy trình chuẩn bị đế cầu

Thuyết minh quy trình:

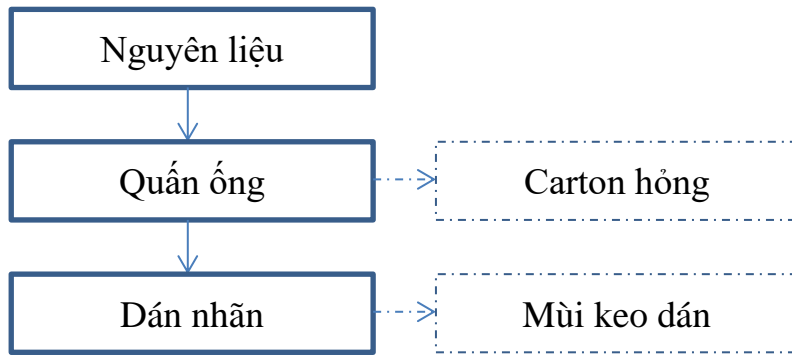
Nguyên liệu làm đế cầu sử dụng hai loại là đế bần và đế cao su.

Cắt: Nguyên liệu là bần sẽ được cắt theo kích thước định sẵn, nguyên liệu là cao su sẽ được dán. Công đoạn này làm phát sinh vụn bần và mùi keo dán.

Gọt tròn: Đế cầu bằng bần sẽ được máy gọt tròn, đế cầu bằng cao su sẽ được mài. Công đoạn này sẽ làm phát sinh vụn bần.

Bọc simili: Đế sau khi gọt tròn sẽ được bọc một lớp silicon.

Quy trình chuẩn bị ống cầu



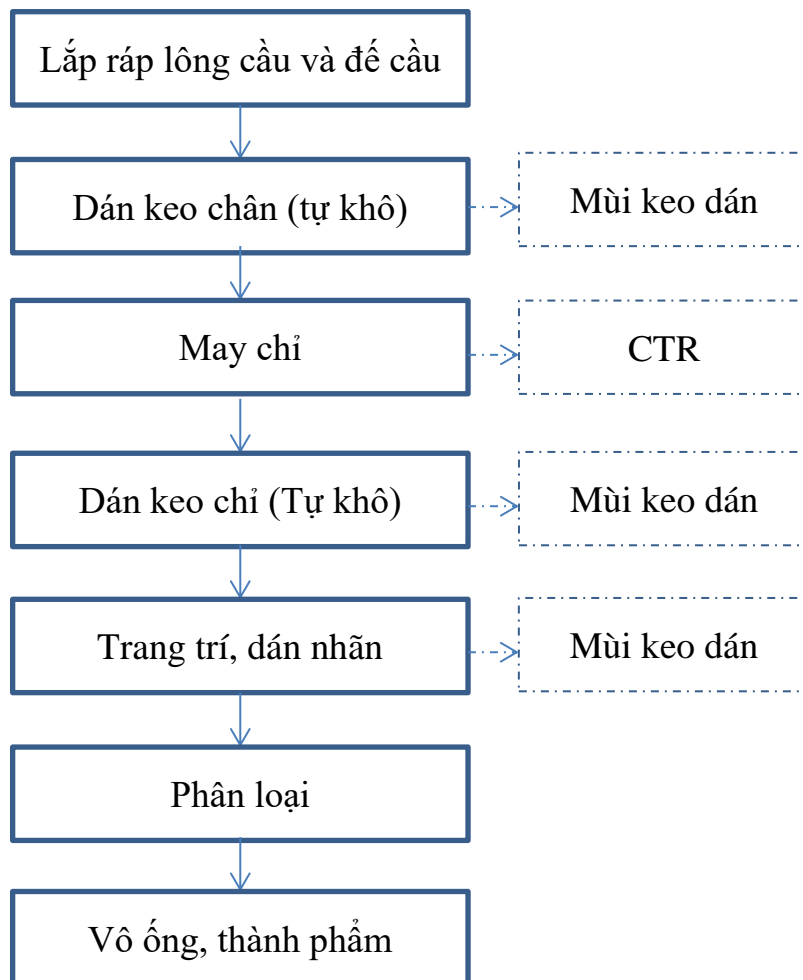
Hình 1. 3. Quy trình chuẩn bị ống cầu

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu làm ống cầu là giấy carton dạng cuộn.

Nguyên liệu được đưa vào máy quấn ống. Sau đó tiến hành dán nhãn.

Quy trình lắp ráp:



Hình 1. 4. Quy trình lắp ráp

Thuyết minh quy trình:

Sau khi đã chuẩn bị lông cầu và đế cầu sẽ tiến hành lắp ráp lông cầu vào đế cầu.

Sau khi lắp ráp xong để cố định chân cầu vào đế thì tiến hành dán keo chân cầu. Công đoạn dán keo chân cầu được tiến hành bằng máy dán keo vào công đoạn này sẽ làm phát sinh mùi keo thải. Sau khi dán keo chân cầu sẽ để khô tự nhiên trong 5 ngày trước khi chuyển sang công đoạn kế tiếp. Sau khi dán keo chân được 5 ngày sẽ tiến hành may chỉ viền cho cầu. Công đoạn may được thực hiện bằng máy và công đoạn này làm phát sinh chỉ thải, kim may thải. Tiếp đến sẽ tiến hành dán keo đường chỉ may và để khô tự nhiên 02 ngày trước khi chuyển sang công đoạn kế tiếp. Tương tự công đoạn dán keo chân công đoạn này cũng phát sinh mùi keo thải.

Sau khi dán keo chỉ 2 ngày tiến hành trang trí và dán nhãn cho cầu. Tiếp đến sẽ chuyển sang bộ phận phân loại cầu. Công nhân sẽ cho cầu vào máy phân loại cầu. Cuối cùng cầu được cho vào ống và chuyển đến kho thành phẩm.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Sản phẩm của cơ sở là cầu lông với công suất 3.600.0000 sản phẩm/năm.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.

 Nhu cầu nguyên, nhiên liệu.

Nhu cầu về nguyên, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất của nhà máy với công suất tối đa được thống kê cụ thể ở bảng sau:

Bảng 1. 1. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu

STT	Tên	Khối lượng sử dụng
1	Gỗ bần	20 kg/ngày
2	Nhãn	600 tờ/ngày
3	Lông vịt	50kg/ngày
4	Giấy carton	5 kg/ngày
5	Nắp	6 kg/ngày
6	Đế mus	900 ló/ngày

7	Thùng carton	5 kg/ngày
8	Băng keo	16 cuộn/ngày

(Nguồn: Công ty TNHH Thể thao Hải Yến, 2022)

Nhu cầu về hóa chất

Hóa chất sử dụng trong hoạt động của nhà máy bao gồm keo dán, dung môi pha keo (MEK, cồn công nghiệp), hóa chất sử dụng ở hệ thống xử lý nước thải (hóa chất keo tụ, chlorine), gas LPG sử dụng trong nấu ăn.

Nhu cầu về điện, nước

+ Nước cấp sinh hoạt của công nhân: Nước cấp cho sinh hoạt (nhà vệ sinh) cho 115 cán bộ, nhân viên là : $115 * 25 \text{ lít/người} = 2,875 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

+ Nước cấp cho nhà ăn: lượng nước tiêu thụ thực tế cần cung cấp là 115 người * 25 lít/người/ngày = $2,875 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Vậy tổng nhu cầu cấp nước cho sinh hoạt là $2,875 + 2,875 = 5,75 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Áp dụng hệ số không điều hòa K ngày.max= 1,2 thì lượng nước sinh hoạt lớn nhất cấp cho cơ sở là: $5,75 * 1,2 = 7 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

+ Nước làm mát sân bãi và tưới cây (10% sinh hoạt), tương đương khoảng $1 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

+ Nước cấp cho hoạt động sản xuất (công đoạn giặt): thực tế phát sinh khoảng $5 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Tổng nhu cầu dùng nước của Nhà máy là $13 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (theo tính toán).

⇒ Nguồn cấp nước cho nhà máy là nước cấp trong khu vực do Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang cung cấp.

Chương II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cơ sở đã được UBND Thành phố Mỹ Tho cấp Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản của cơ sở “ Nhà máy sản xuất cầu lông Hải Yến, công suất 3.600.000 sản phẩm/năm”, Giấy xác nhận số 2151/GXN-UBND ngày 10/4/2017. Do đó sự hoạt động của cơ sở là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường của địa phương.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Cơ sở đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, giấy phép số 117/GP-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2017. Nguồn tiếp nhận nước thải của dự án là Kênh 73 đoạn chạy ngang dự án.

Trong suốt quá trình hoạt động, nước thải phát sinh từ cơ sở đều được xử lý đạt quy chuẩn trước khi thoát ra ngoài nên không gây tác động đáng kể đến môi trường tiếp nhận.

Do đó hoạt động của cơ sở là hoàn toàn phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Nước mưa chảy tràn trên mái nhà của cơ sở chảy vào các máng sau đó theo đường ống chảy vào công thoát nước mưa của nhà máy rồi thoát ra nguồn tiếp nhận là kênh 73 ở phía Tây nhà máy.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

Nước thải sinh hoạt tại nhà máy được xử lý bằng hầm tự hoại 3 ngăn, hiện tại cơ sở có xây dựng 3 khu vực vệ sinh chung và có xây 3 hầm tự hoại (3m x 2m x 1,5m) có kết cấu tường gạch để xử lý nước thải sinh hoạt. Bể tự hoại có dạng hình chữ nhật, nước thải từ khu vệ sinh dẫn về bể tự hoại và lần lượt đi qua các ngăn trong bể, các chất hữu cơ, cặn lơ lửng dần dần phân hủy yếm khí và lắng xuống đáy bể. Trong mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt.

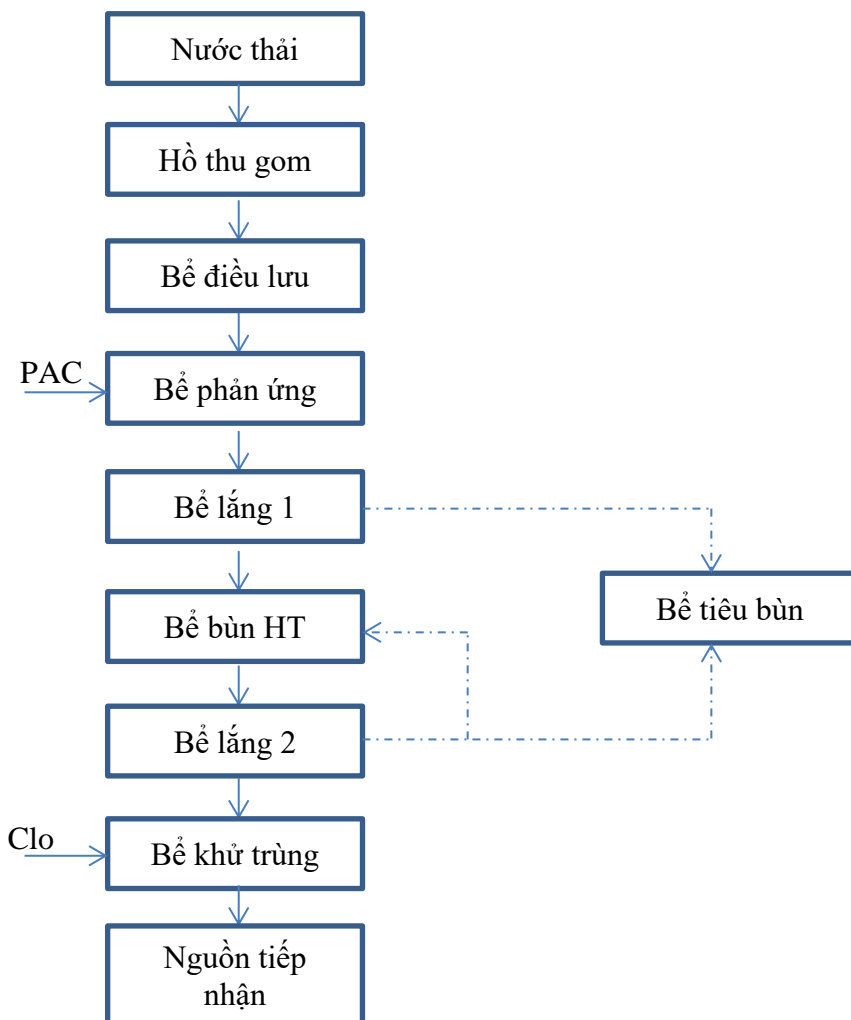
Nước thải sau hầm tự hoại được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt quy chuẩn quy định.

Nước thải từ nhà ăn được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Tổng lượng nước thải sinh hoạt và nhà ăn theo thực tế là 7m³/ngày.

Nước thải sản xuất: phát sinh chủ yếu từ công đoạn giặt, lưu lượng tối đa là 5m³/ngày. Lượng nước được thu gom về hệ thống xử lý tập trung.

3.1.3. Xử lý nước thải

Toàn bộ nước thải phát sinh tại nhà máy được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 18m³/ngày.đêm, sơ đồ quy trình xử lý như sau:



Hình 3. 1. Quy trình xử lý nước thải tại cơ sở

Thuyết minh quy trình công nghệ

Nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của cơ sở được tập trung về hồ thu gom được bơm lên bể điều lưu. Bể điều lưu có chức năng điều hòa lưu lượng và ổn định nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải. Những lợi ích chính do bể này mang lại trong hệ thống xử lý nước thải có thể được liệt kê như sau:

- Giảm lưu lượng cực đại trong những giờ cao điểm;
- Giảm nồng độ các chất ô nhiễm hữu cơ cao cho các quá trình xử lý sinh học;
- Tối ưu hóa các điều kiện cho quá trình xử lý sinh học theo sau, bao gồm việc giảm tải lượng hữu cơ, giảm và làm chậm lại sự dao động tải lượng hữu cơ, giảm nồng độ độc chất trong nước thải.
- Kiểm soát được pH.

Bể điều lưu được thiết kế kết hợp với quá trình thổi khí nhằm xáo trộn đồng đều nước thải với các chất ô nhiễm trong nó tránh hiện tượng phân hủy yếm khí gây mùi hôi.

Bể phản ứng:

Quá trình keo tụ phụ thuộc vào hai cơ chế chính là trung hòa điện tích và hấp phụ tạo cầu nối. Vì thế các yếu tố nào ảnh hưởng đến hai quá trình trên đều gây ảnh hưởng đến quá trình keo tụ, tạo bông.

- Ảnh hưởng của pH;
- Nhiệt độ nước;
- Liều lượng chất keo tụ và chất trợ keo tụ;
- Tạp chất trong nước
- Tốc độ khuấy trộn
- Môi chất tiếp xúc: nếu trong nước duy trì một lớp cặn bùn nhất định khiến cho quá trình kết tủa càng hoàn toàn, tốc độ kết tủa tăng.

Ảnh hưởng của pH (quyết định quá trình thủy phân của chất keo tụ trong dung dịch) đến quá trình keo tụ là ảnh hưởng quan trọng nhất quyết định hiệu suất của việc xử lý.

Bể lắng 1:

Bể lắng 1 được thiết kế nhằm mục đích lắng loại các chất rắn ở dạng huyền phù và lơ lửng trước khi đưa vào quá trình xử lý sinh học.

Bể bùn hoạt tính:

Nước thải sau khi được lắng sơ bộ bằng bể lắng 1 sẽ được cho tự chảy sáng bể bùn hoạt tính. Tại đây, các chất ô nhiễm trong nước thải sẽ được vi sinh vật hiếu khí sử dụng để tạo thành sinh khối (bùn). Đặc điểm của loại bể này là xây dựng và vận hành đơn giản chỉ cần cung cấp đủ oxy cho vi sinh vật trong bể sử dụng là có thể làm sạch nước thải.

Bể lắng 2:

Là bể lắng thứ cấp sẽ lắng các bông bùn còn lại trong bể bùn hoạt tính, làm trong nước để bể khử trùng hoạt động tốt hơn.

Bể khử trùng:

Cuối cùng là giai đoạn khử trùng ở bể tiếp xúc với Clorine nhằm tiêu diệt hoàn toàn Coliforms và các vi trùng gây bệnh khác. Hiệu quả khử trùng đạt 95% với Coliform và 100% với các vi trùng gây bệnh khác. Bản chất tác dụng khử trùng của Clorine là sự oxi hóa, phá hủy màng tế bào của vi sinh vật do đó chúng bị tiêu diệt.

Lượng Chlorine sử dụng là dạng viên liều lượng sử dụng từ 5g -8g/m³ nước sau bể lắng 2.

Cuối bể khử trùng, nước đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) theo ống dẫn thải ra nguồn tiếp nhận.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

❖ Bụi và khí thải từ phương tiện giao thông

Yêu cầu các chủ phương tiện phải thường xuyên bảo trì, sửa chữa để máy móc hoạt động tốt, ít phát sinh khói thải.

Sử dụng nhiên liệu đạt chuẩn nồng độ S thấp.

Không sử dụng các loại xe vận chuyển đã hết hạn đăng kiểm

Điều phối xe hợp lý để tránh tập trung quá nhiều phương tiện giao thông hoạt động trong khu vực cơ sở cùng thời điểm.

Yêu cầu tài xế tắt máy trong khi chờ bốc xếp hàng hóa.

❖ Khí thải, bụi từ quá trình sản xuất

Khu nhà xưởng được thiết kế thích hợp.

Nhà xưởng được thông thoáng bằng quạt công nghiệp như quạt đứng, quạt hút đặt mái và tường nhà xưởng, nhà xưởng có bố trí các cửa ra vào và cửa thông thoáng hợp lý.

Trong quá trình sản xuất các nguồn hóa chất dùng trong sản xuất đều có quy định chặt chẽ về hướng dẫn sử dụng, trang bị bảo hộ lao động theo quy định và có chế độ kiểm tra giám sát chặt chẽ các nguồn hóa chất cũng như sử dụng an toàn.

Khu vực chứa hóa chất phải được cách ly, đặt các biển báo nguy hiểm, biển chỉ dẫn sử dụng, cảnh báo cháy.

❖ Mùi hôi phát sinh từ nhà vệ sinh

Rác thải tại công ty được thu gom hàng ngày nên hạn chế được lượng khí thải từ quá trình phân hủy rác.

Khí thải từ nhà vệ sinh: Công ty bố trí công nhân tiến hành vệ sinh các nhà vệ sinh hàng ngày nên tác động này cũng được giảm thiểu.

❖ Khí thải từ máy phát điện dự phòng:

Bố trí máy phát điện tách biệt với nhà xưởng sản xuất

Đặt biển báo cấm người không phận sự vào khu vực máy phát điện đang vận hành...

Sử dụng loại dầu có tỷ lệ % S thấp (dầu DO) để giảm thiểu nồng độ SO₂ trong khí thải.

Lắp đặt ống khói máy phát điện cao 2m để phát tán khí thải máy phát điện ra môi trường xung quanh tránh ô nhiễm không khí cục bộ trong quá trình vận hành máy phát điện.

3.3 Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

❖ Đối với chất thải rắn sinh hoạt

Hợp đồng với Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Mỹ Tho thu gom xử lý hàng ngày...

❖ Rác thải sản xuất

CTR phát sinh trong quá trình sản xuất như bao bì, vụn bản, vụn cao su...được thu gom vào kho chứa định kỳ 1 tháng/lần và bán cho cơ sở phế liệu.

3.4 Công trình thu gom, xử lý chất thải nguy hại

Thu gom vào kho chứa và định kỳ hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định. Hiện tại Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH TM DV Môi trường Nam Bộ thu gom xử lý.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Ôn, rung từ máy móc, thiết bị trong nhà máy: Các thiết bị được kê trên nền đúc chắc chắn và lót thảm chống rung.
- Công ty thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.
- Để hạn chế tiếng ồn từ các phương tiện giao thông, công ty yêu cầu xe hai bánh phải tắt máy dẫn bộ trong khuôn viên nhà máy. Đối với xe tải vận chuyển nguyên liệu và thành phẩm phải tắt máy trong lúc bốc xếp hàng hóa để giảm ồn.
- Yêu cầu công nhân không được đùa giỡn trong lúc làm việc và lúc tan ca để tránh gây ồn cho người dân khu vực xung quanh nhà máy. Công nhân vi phạm có thể bị khiển trách, kỹ thuật theo mức độ tái phạm.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

❖ Sự cố cháy nổ

Thực hiện theo quy định PCCC

Các hạng mục công trình trong nhà máy đã được thẩm duyệt PCCC của cảnh sát PCCC trước khi xây dựng và đã được nghiệm thu PCCC của cơ quan chức năng trước khi đưa vào sử dụng.

Thành lập đội PCCC cơ sở để chủ động phối hợp với cơ quan PCCC khi có sự cố xảy ra.

Tại các khu vực trong nhà máy đều được trang bị những bình chữa cháy cầm tay, được kiểm tra định kỳ nhằm đảm bảo khả năng dập tắt những đám cháy xảy ra tại từng khu vực.

Phân công nhân viên trực 24/24 tại kho để bảo vệ tài sản và phòng tránh cháy nổ.

Thiết kế, xây dựng nhà xưởng phù hợp với yêu cầu phòng cháy chữa cháy. Nội dung chủ yếu của việc đảm bảo này được vận dụng cụ thể đối với nhà xưởng như sau:

- Sắp xếp bố trí các máy móc thiết bị trật tự, gọn và khoảng cách an toàn cho công nhân làm việc khi có cháy nổ xảy ra.
- Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây tia lửa phải được bố trí thật an toàn.
- Tường và mái phải được xây dựng bằng vật liệu không bén lửa. Cách ly các công đoạn dễ cháy xa các khu vực khác.
- Giảm tới mức thấp nhất lượng chất cháy nổ trong khu vực.

❖ An toàn lao động

Nếu làm tốt các công tác phòng chống cháy nổ sẽ giảm được một phần tai nạn lao động. Bên cạnh đó để mọi người làm việc được an toàn cần thực hiện các biện pháp sau đây:

- Đặt các biển báo, biển cấm, biển hướng dẫn an toàn trong lao động theo đúng quy định.
- Công nhân vận hành máy không được uống rượu bia để tránh ảnh hưởng đến công việc.
- Trang bị đầy đủ các dụng cụ an toàn bảo hộ lao động cho công nhân.

- Thường xuyên kiểm tra sức khỏe định kỳ cho công nhân.
- Trang bị các dụng cụ, thiết bị y tế tại chỗ phòng tránh trường hợp xảy ra tai nạn như: tủ thuốc, bông, nẹp sơ cứu.
- Đào tạo định kỳ về an toàn lao động.

❖ Phòng ngừa, ứng cứu sự cố môi trường đối với công trình thu gom và xử lý nước thải

Sự cố môi trường có thể xảy ra đối với công trình xử lý nước thải như:

- Tràn nước thải từ hệ thống rãnh thu gom do tắc nghẽn hoặc vỡ đường ống.
- Nước thải sau xử lý không đảm bảo Quy chuẩn quy định do chưa tuân thủ chặt chẽ các bước trong vận hành hệ thống xử lý.

Trong quá trình vận hành cơ sở, để giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường, Chủ cơ sở cam kết sẽ xây dựng phương án phòng ngừa, ứng cứu kịp thời khi có sự cố xảy ra, cụ thể:

- Nạo vét định kỳ hố ga, hệ thống rãnh thu gom nước rỉ rác, hố thu và bể xử lý nước rác, ao sinh học với tần suất 02 lần/năm hoặc khi cần thiết.
- Tuân thủ chặt chẽ các bước trong quy trình vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.
- Thực hiện chương trình giám sát chất lượng nước thải sau xử lý định kỳ.

Chương IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải
 - + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt và nhà ăn – $7\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$
 - + Nguồn số 02: Nước thải rỉ rác – $5\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: Nêu rõ lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép: $18\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$
- Dòng nước thải: 01
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, Kq =0,9; Kf=1,2
1	pH	-	5,5 - 9
2	BOD ₅	mg/l	32,4
3	COD	mg/l	81
4	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	54
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5,4
6	Sulfua	mg/l	0,216
7	Amoni	mg/l	5,4
8	Tổng Nitơ	mg/l	21,6
9	Tổng Photpho	mg/l	4,32
10	Clo dư	mg/l	1,08
11	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:
 - + Vị trí xả nước thải: số 188A, ấp 3, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- + Tọa độ địa lý: X=1146363; Y=563581
- + Phương thức xả thải: tự chảy theo đường ống PVC Ø90mm, dài 35m dẫn xả vào kênh 73.
- + Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh 73.

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1 Kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải:

Định kỳ 6 tháng/lần chủ cơ sở tiến hành lấy mẫu nước thải trước và sau xử lý phục vụ cho công tác giám sát, quan trắc hiệu quả xử lý của hệ thống. Kết quả quan trắc năm 2021 như sau:

Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc nước thải năm 2021

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả (tháng 6/2021)		Kết quả (tháng 12/2021)		QCVN 40:2011/BTMT, cột A, $K_q = 0,9$; $K_f=1,2$
			Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	
1	pH	-	5,65	7,23	5,69	7,24	6-9
2	TSS	mg/l	125	45	127	45	54
3	BOD	mg/l	251	28	259	28	32,4
4	COD	mg/l	450	51	461	52	81
5	Clo dư	mg/l	-	KPH	-	0,18	1,08
6	Tổng Nito	mg/l	45,2	17,2	46,2	17,3	21,6
7	Tổng Photpho	mg/l	10,05	2,74	10,8	2,77	4,32
8	Amoni	mg/l	8,77	3,2	8,82	3,22	5,4
9	Sunfua	mg/l	0,58	0,14	0,65	0,17	0,216
10	Dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	5,4
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	22.000	2.700	23.000	2.600	3.000

Nhận xét: Qua kết quả quan trắc nước thải năm 2021 cho thấy hệ thống xử lý nước thải của cơ sở đang hoạt động hiệu quả. Trong thời gian tới cơ sở tiếp tục thực hiện công tác quan trắc, giám sát môi trường định kỳ và thường xuyên theo dõi việc vận hành của hệ thống nhằm đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn trước khi thoát ra kênh 73.

5.2 Quan trắc định kỳ chất lượng nguồn nước tiếp nhận

Định kỳ 6 tháng/lần chủ cơ sở tiến hành lấy mẫu nước thải kênh 73 để đánh giá chất lượng nguồn nước tiếp nhận. Kết quả quan trắc năm 2021 như sau:

Bảng 5. 2 Chất lượng nguồn nước tiếp nhận

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A2
			Tháng 6/2021	Tháng 12/2021	
1	pH	-	7,15	7,11	6-8,5
2	DO	mg/l	5,45	5,47	≥ 5
3	TSS	mg/l	26	24	30
4	BOD	mg/l	5	5	6
5	COD	mg/l	13	12	15
6	N_NO ₂ ⁻	mg/l	KPH	KPH	0,05
7	N_NO ₃ ⁻	mg/l	0,12	0,11	5
8	P_PO ₄ ³⁻	mg/l	0,11	0,15	0,2
9	Amoni	mg/l	0,32	0,37	0,3
10	Tổng dầu mỡ	mg/l	KPH	KPH	0,5
11	Chất HD bề mặt	mg/l	KPH	KPH	0,2
12	Tổng Coliform	MPN/100ml	4.300	4.600	5.000

Nhận xét: Qua kết quả quan trắc cho thấy chất lượng nguồn nước tiếp nhận tại vị trí xả thải nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A2.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn cơ sở đi vào vận hành, cụ thể như sau:

6.1 Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở:

Cơ sở sản xuất cầu lông của Công ty TNHH Thể thao Hải Yến đã đi vào hoạt động ổn định và được UBND thành phố Mỹ Tho cấp Giấy xác nhận Đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản, giấy xác nhận số 2151/GXN-UBND ngày 10/4/2017 và được UBND tỉnh Tiền Giang cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, giấy phép số 117/GP-UBND ngày 22/6/2017, cho đến thời điểm lập hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường cho cơ sở thì không có thay đổi so với giấy phép môi trường xả thải và giấy xác nhận đăng ký đề án môi trường đã được cấp. Do đó cơ sở thuộc đối tượng không vận hành thử nghiệm theo điểm h, khoản 1 điều 31 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP - Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo Vệ Môi Trường.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ

6.2.1 Quan trắc nước thải:

- Vị trí: Nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải
- Tần suất: 6 tháng/lần
- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Amoni (tính theo N), Tổng Nito, Tổng Photpho (tính theo P), Coliforms, Clo dư (chỉ áp dụng với nước thải sau xử lý).
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$).

6.2.2 Quan trắc nguồn tiếp nhận nước thải:

- Vị trí: Tại vị trí xả nước thải vào kênh 73
- Tần suất: 06 tháng/lần
- Thông số giám sát: pH, DO, COD, BOD₅, Amoni (NH₄⁺), TSS, Nitrits (NO₂⁻), Nitrat (NO₃⁻), Phosphat, tổng dầu mỡ, chất hoạt động bề mặt, Coliform.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 08-MT/2015/BTNMT, cột A2.

6.2.3 Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Lấy từ kinh phí hoạt động của cơ sở. Mỗi năm khoảng 12.000.000vnd (mười hai triệu đồng) cho công tác quan trắc, giám sát môi trường của cơ sở.

Chương VII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

- Chủ cơ sở cam kết các nội dung đã nêu của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường như trên là hoàn toàn chính xác, trung thực.
- Chủ cơ sở vận hành hiệu quả các công trình xử lý môi trường của cơ sở trong quá trình hoạt động.
- Chất lượng môi trường không khí xung quanh đảm bảo đạt theo tiêu chuẩn môi trường Việt Nam:
 - + Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT).
 - + Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (QCVN 05:2013/BTNMT).
- Cam kết nước thải đảm bảo xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A về nước thải công nghiệp.
- Tuân thủ tuyệt đối mọi nguyên tắc an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy. Chủ Cơ sở cam kết chịu trách nhiệm trước Pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các quy chuẩn, các tiêu chuẩn Việt Nam và nếu để xảy ra các sự cố gây ô nhiễm môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty TNHH Hai thành viên trở lên;
- Sơ đồ mặt bằng tổng thể;
- Sơ đồ thu gom thoát nước thải;
- Sơ đồ vị trí giám sát môi trường;
- Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản của cơ sở “Nhà máy sản xuất cầu lông Hải Yến, công suất 3.600.000 sản phẩm/năm”, Giấy xác nhận số 2151/GXN-UBND;
- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 117/GP-UBND ngày 22/6/2017 của Ủy ban nhân tỉnh Tiền Giang cấp.